TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 454/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1983

Căn cước công dân: **********

- Ông Lưu Hoàng T, sinh năm 1974

Căn cước công dân: **********

Cùng địa chỉ cư trú: 2 L, phường H (phường G, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T có địa chỉ cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2007, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường E, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2007 thì bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T là vợ chồng hợp

pháp. Nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

[4] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lưu Gia H, sinh ngày 26/6/2008 và Lưu Gia B, sinh ngày 10/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lưu Hoàng Trung cấp D nuôi mỗi con một tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 03/2026 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Trường hợp, ông Lưu Hoàng Trung C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Lưu Hoàng T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Lưu Hoàng T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011796 ngày 9/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7 - Tp.HCM;
- UBND phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2007, quyển số 01 ngày 21/03/2007 do UBND phường 5, quận B cũ cấp);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Hồng Út